

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2012

Hà Nội - Tháng 7 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
Bảng Cân đối kế toán	2 - 3
Báo cáo Kết quả kinh doanh	4
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	5
Thuyết minh Báo cáo tài chính	6 - 19

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		89.050.641.477	98.876.432.153
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	26.448.836.361	17.564.365.207
1. Tiền	111		1.448.836.361	4.064.365.207
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	13.500.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	56.231.334.692	66.223.196.879
1. Đầu tư ngắn hạn	121		60.070.124.293	72.898.419.565
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.838.789.601)	(6.675.222.686)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.326.244.189	15.087.870.067
1. Phải thu khách hàng	131		4.692.834.979	12.956.090.252
2. Trả trước cho người bán	132		104.835.654	117.682.438
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	1.528.573.556	2.014.097.377
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		44.226.235	1.000.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	32.226.235	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	12.000.000	1.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		74.694.900.463	67.337.037.800
II Tài sản cố định	220		303.047.378	362.922.743
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	297.547.378	354.422.743
- Nguyên giá	222		752.925.563	752.925.563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(455.378.185)	(398.502.820)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	5.500.000	8.500.000
- Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.500.000)	(21.500.000)
III. Bất động sản đầu tư	240	5.8	29.210.314.500	29.210.314.500
1. Nguyên giá	241		29.210.314.500	29.210.314.500
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	45.174.370.212	37.744.370.212
1. Đầu tư vào công ty con	251		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		21.750.000.000	14.320.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		17.500.000.000	17.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(75.629.788)	(75.629.788)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.168.373	19.430.345
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	7.168.373	19.430.345
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		163.745.541.940	166.213.469.953

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		12.175.505.371	8.687.897.973
I- Nợ ngắn hạn	310		12.175.505.371	8.687.897.973
2. Phải trả người bán	312		1.893.287	325.300
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	732.997.417	659.211.585
5. Phải trả người lao động	315		431.888.485	336.334.182
6. Chi phí phải trả	316		-	183.950.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	9.879.088.496	6.551.513.441
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.129.637.686	956.563.465
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		151.570.036.569	157.525.571.980
I- Vốn chủ sở hữu	410		151.570.036.569	157.525.571.980
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.13	134.257.000.000	134.257.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.13	22.834.332.577	22.834.332.577
4. Cổ phiếu quỹ	414	5.13	(17.802.679.500)	(15.280.840.625)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.13	1.626.209.416	1.063.129.590
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.13	1.728.243.642	1.165.163.816
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	5.13	123.828.175	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.13	8.803.102.259	13.486.786.622
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		163.745.541.940	166.213.469.953

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2012
 Phó Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Nguyễn Thị Hồng Điệp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ
QUÝ II/2012

Đơn vị : VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
				NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.23	797,685,132	9,224,819,931	2,899,839,808	11,284,335,477
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		797,685,132	9,224,819,931	2,899,839,808	11,284,335,477
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.25	948,272,211	7,415,752,527	1,756,408,271	8,253,262,088
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		(150,587,079)	1,809,067,404	1,143,431,537	3,031,073,389
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.26	4,179,646,740	3,971,769,996	8,174,718,932	8,310,632,052
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	5.27	(930,548,982)	3,478,376,625	(2,063,090,682)	6,543,564,250
8.	Chi phí bán hàng	24		-	70,374,545	-	70,374,545
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		624,823,004	388,166,543	1,118,244,370	880,460,003
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	30		4,334,785,639	1,843,919,687	10,262,996,781	3,847,306,643
11.	Thu nhập khác	31		-	300,000,000	-	300,000,000
12.	Chi phí khác	32		566,114,638	-	566,114,638	-
13.	Lợi nhuận khác	40		(566,114,638)	300,000,000	(566,114,638)	300,000,000
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,768,671,001	2,143,919,687	9,696,882,143	4,147,306,643
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	761,830,922	348,868,051	2,180,136,458	688,098,694
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60		3,006,840,079	1,795,051,636	7,516,745,685	3,459,207,949
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.29	210	156	630	280

Ngày 17 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Nguyễn Thị Hồng Diệp

Mẫu B 03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	9.696.882.143	4.147.306.643
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	59.875.365	65.814.912
- Các khoản dự phòng	03	(2.836.433.085)	578.176.432
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.726.918.181)	(2.345.244.234)
- Chi phí lãi vay	06	305.556	9.000.000
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	193.711.798	2.455.053.753
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.718.399.643	(6.936.688.936)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	280.000
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.854.053.113	(4.003.361.252)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	12.261.972	(4.913.633)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(305.556)	(9.000.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.025.531.663)	(2.670.904.605)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(515.432.895)	(459.766.665)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	9.237.156.412	(11.629.301.338)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(10.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	13.013.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(24.263.183.675)	(29.575.195.200)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	36.611.479.612	53.223.850.225
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.430.000.000)	(6.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.345.525.680	3.022.174.844
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	11.263.821.617	33.673.329.869
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(2.521.838.875)	(6.213.527.025)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	250.305.556	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(250.305.556)	(4.500.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.094.668.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(11.616.506.875)	(10.713.527.025)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	8.884.471.154	11.330.501.506
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17.564.365.207	37.458.076.634
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	26.448.836.361	48.788.578.140

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2012
 Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Bùi Văn Dũng

Nguyễn Thị Hồng Diệp

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 9 năm 2010.

Tên giao dịch tiếng Anh: EDUCATION FINANCIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt: EFI., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 là 134.257.000.000 đồng. Cổ đông sáng lập:

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cổ đông sáng lập	16.540.000.000	16.540.000.000
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	13.940.000.000	13.940.000.000
- Bà Lê Thị Vân Anh	1.350.000.000	1.350.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	1.250.000.000	1.250.000.000
Cổ đông khác	117.717.000.000	117.717.000.000
Tổng	134.257.000.000	134.257.000.000

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: EFI.

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư thực hiện việc mua, bán doanh nghiệp;
- Tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu phát triển thị trường;
- Xây dựng trường học các cấp;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư và quản lý dự án;
- Xây dựng cao ốc;
- Cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà;
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ việc giảng dạy trong nhà trường và dịch vụ vệ sinh học đường;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh giấy;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Xây dựng và kinh doanh các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng; Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke).

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 là: Dịch vụ quản lý tòa nhà cho Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, cho các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay vốn và đầu tư chứng khoán.

CÔNG TY CON

Tên Công ty con : Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và khai thác Bất động sản EFI;
Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng;
Tỉ lệ kiểm soát : 100%;
Ngành nghề : Dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sản giao dịch bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản, Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; khách sạn; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
Trụ sở : Số 81 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Năm tài chính/kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư 244/2006/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các kỳ kế toán trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

6 tháng 2012
(số năm)

Phương tiện vận tải truyền dẫn	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản CĐHH khác	05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty mà Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ không còn được hợp nhất từ ngày Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty này.

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa công ty con và Công ty được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách của công ty con cũng có thể được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với chính sách kế toán của Công ty áp dụng.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết và liên doanh là khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	472.974.939	48.180.433
Tiền gửi ngân hàng	975.861.422	4.016.184.774
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	13.500.000.000
Tổng	26.448.836.361	17.564.365.207

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán	15.461.438.514	16.483.133.786
Cho vay vốn ngắn hạn	44.608.685.779	56.415.285.779
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.838.789.601)	(6.675.222.686)
Tổng	56.231.334.692	66.223.196.879

Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn

	30/06/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển giáo dục Hà Nội (EID)	626.800	6.315.537.174	677.500	6.890.425.375
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh (STC)	219.000	2.709.227.939	258.300	3.195.404.460
Công ty Cổ phần Phát hành Sách & Thiết bị trường học Hưng Yên (HST)	239.000	2.413.900.000	239.000	2.413.900.000
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội (EBS)	34.500	260.299.425	132.000	1.025.323.525
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển giáo dục Phương Nam	174.300	1.526.396.350	-	-
Các loại cổ phiếu khác	-	2.236.077.626	-	2.958.080.426
Tổng		15.461.438.514		16.483.133.786

Chi tiết cho vay vốn ngắn hạn

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Hải Trà	900.000.000	-
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	1.950.000.000
Công ty Cổ phần Tòa nhà CAVICO Việt Nam	24.701.785.779	19.701.785.779
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha	8.400.000.000	8.400.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Huy Tuấn Phát	-	16.000.000.000
Cho vay Hợp tác Đầu tư	8.363.500.000	8.363.500.000
Các cá nhân khác	243.400.000	-
Tổng	44.608.685.779	56.415.285.779

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.3 Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu ủy thác đầu tư	744.890.000	744.890.000
Lãi hợp tác đầu tư Alpha	685.807.000	-
Cổ tức phải thu	-	1.180.570.000
Các khoản khác	97.876.556	88.637.377
Tổng	1.528.573.556	2.014.097.377

5.4 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	29.226.235	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	3.000.000	-
Tổng	32.226.235	-

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	12.000.000	1.000.000
Tổng	12.000.000	1.000.000

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2012	587.034.280	142.146.783	23.744.500	752.925.563
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2012	587.034.280	142.146.783	23.744.500	752.925.563
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2012	281.287.248	107.502.929	9.712.643	398.502.820
Tăng trong kỳ	36.689.643	16.236.272	3.949.450	56.875.365
Khấu hao trong kỳ	36.689.643	16.236.272	3.949.450	56.875.365
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2012	317.976.891	123.739.201	13.662.093	455.378.185
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2012	305.747.032	34.643.854	14.031.857	354.422.743
Tại 30/6/2012	269.057.389	18.407.582	10.082.407	297.547.378

5.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

5.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và giá trị các công trình kiến trúc trên đất của các lô đất Công ty đã mua nhằm mục đích chờ tăng giá để bán trong tương lai, bao gồm các địa điểm sau:

- Số 256-258 Phan Chu Trinh, thành phố Đà Nẵng
- Lô E5 Ven biển, quận Ngũ Hành Sơn Thành phố Đà Nẵng
- Số 02, Khu tái định cư đường Nguyễn Văn Linh nối dài, phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và khai thác Bất động sản EFI;	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Công ty liên doanh, liên kết	-	21.750.000.000	-	14.320.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam (*)	-	21.750.000.000	-	14.320.000.000
Đầu tư dài hạn khác	525.000	17.500.000.000	525.000	17.500.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty Sách Thiết bị Trường học Hà Tây	125.000	2.000.000.000	125.000	2.000.000.000
Viện Công nghệ Giáo dục	5.000	50.000.000	5.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần tòa nhà Cavico Việt Nam (*)	-	11.500.000.000	-	11.500.000.000
Tổng		45.250.000.000		37.820.000.000
Dự phòng Giảm giá đầu tư dài hạn		75.629.788		75.629.788
Tổng cộng		45.174.370.212		37.744.370.212

Thông tin bổ sung về khoản đầu tư:

(*) Đầu tư theo Hợp đồng liên doanh số 01/2008/HĐLD ngày 20 tháng 02 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục, Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng và Công ty TNHH Đầu tư và Xúc tiến thương mại KAF về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam (Incomex-Pushishing House) thực hiện đầu tư xây dựng Công trình hỗn hợp cao tầng tại 187 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

(*) Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng ngày 13/12/2011, giữa Ông Nguyễn Thanh Hà và Công ty Cổ phần tòa nhà Cavico Việt Nam cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục toàn bộ sàn tầng 15 của tòa nhà Cavico Việt Nam. Đã tạm ứng toàn bộ tiền theo hợp đồng là 11.500.000.000 đồng. Hợp đồng đã Công chứng.

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Tại ngày đầu năm	19.430.345	53.549.153
Tăng	-	27.891.442
Phân bổ vào chi phí	12.261.972	22.977.809
Tại ngày cuối năm	7.168.373	58.462.786
	30/6/2012	30/6/2011
	VND	VND
Chi tiết chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ	7.168.373	42.662.253
Chi phí khác	-	15.800.533
Tổng	7.168.373	58.462.786

5.11 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

	30/6/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	99.443.132	111.029.210
Thuế thu nhập doanh nghiệp	633.554.285	478.949.490
Thuế thu nhập cá nhân	-	69.232.885
Tổng	732.997.417	659.211.585

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	14.854.184	37.815.960
Bảo hiểm xã hội	60.413.312	38.876.481
Bảo hiểm y tế	(9.073.942)	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.812.894.942	6.474.821.000
<i>Tiền lãi ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam</i>	<i>58.931.000</i>	<i>58.931.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam (ủy thác đầu tư)</i>	<i>8.850.000.000</i>	<i>5.670.000.000</i>
<i>Ngạc Đình Ước (ủy thác Đầu tư)</i>	<i>744.890.000</i>	<i>744.890.000</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>159.073.942</i>	<i>1.000.000</i>
Tổng	9.879.088.496	6.551.513.441

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	134.257.000.000	22.834.332.577	(2.549.028.525)	535.964.300	637.998.526	-	13.869.873.600	169.586.140.478
Tăng trong kỳ	-	-	-	527.165.290	527.165.290	453.295.729	3.459.207.949	4.966.834.258
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	3.459.207.949	3.459.207.949
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	527.165.290	527.165.290	453.295.729	-	1.507.626.309
Giảm trong kỳ	-	-	6.213.527.025	-	-	406.266.665	2.034.791.599	8.654.585.289
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	2.034.791.599	2.034.791.599
Giảm khác (chỉ mua cổ phiếu quỹ)	-	-	6.213.527.025	-	-	-	-	6.213.527.025
Chi thưởng	-	-	-	-	-	406.266.665	-	406.266.665
Số dư tại 30/6/2011	134.257.000.000	22.834.332.577	(8.762.555.550)	1.063.129.590	1.165.163.816	47.029.064	15.294.289.950	165.898.389.447
Số dư tại 01/01/2012	134.257.000.000	22.834.332.577	(15.280.840.625)	1.063.129.590	1.165.163.816	-	13.486.786.622	157.525.571.980
Tăng trong kỳ	-	-	-	563.079.826	563.079.826	321.728.175	7.516.745.685	8.964.633.512
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	563.079.826	563.079.826	317.728.175	-	1.443.887.827
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	7.516.745.685	7.516.745.685
Tăng khác	-	-	-	-	-	4.000.000	-	4.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	2.521.838.875	-	-	197.900.000	12.200.430.048	14.920.168.923
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	1.711.762.048	1.711.762.048
Chi thưởng, chi quỹ khác	-	-	-	-	-	197.900.000	-	197.900.000
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	10.488.668.000	10.488.668.000
Giảm khác (chỉ mua cổ phiếu quỹ)	-	-	2.521.838.875	-	-	-	-	2.521.838.875
Số dư tại 30/6/2012	134.257.000.000	22.834.332.577	(17.802.679.500)	1.626.209.416	1.728.243.642	123.828.175	8.803.102.259	151.570.036.569

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30/6/2012**

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cổ đông sáng lập	16.540.000.000	16.540.000.000
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	13.940.000.000	13.940.000.000
- Bà Lê Thị Vân Anh	1.350.000.000	1.350.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	1.250.000.000	1.250.000.000
Cổ đông khác	117.717.000.000	117.717.000.000
Tổng	134.257.000.000	134.257.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
	từ 01/01/2012	từ 01/01/2011
	đến 30/6/2012	đến 30/6/2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	134.257.000.000	134.257.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	134.257.000.000	134.257.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.488.668.000	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2012	30/06/2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.425.700	13.425.700
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.425.700	13.425.700
Cổ phiếu phổ thông	13.425.700	13.425.700
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.683.700	1.053.600
Cổ phiếu phổ thông	2.683.700	1.053.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.742.000	12.372.100
Cổ phiếu phổ thông	10.742.000	12.372.100
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.14 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
	từ 01/01/2012	từ 01/01/2011
	đến 30/6/2012	đến 30/6/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	7.154.545.455
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.899.839.808	4.129.790.022
Tổng	2.899.839.808	11.284.335.477

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.15 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	6.667.094.000
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.756.408.271	1.586.168.088
Tổng	1.756.408.271	8.253.262.088

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.477.533.080	6.832.816.147
Lãi đầu tư cổ phiếu	1.143.386.248	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	867.992.600	1.394.911.866
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.348.656	-
Lợi nhuận năm trước từ Công ty con	674.458.348	2.500.000
Tổng	8.174.718.932	8.230.228.013

5.17 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí lãi vay	305.556	9.000.000
Lỗ đầu tư cổ phiếu	773.036.847	5.875.983.779
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	578.176.432
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(2.832.933.085)	-
Tổng	(2.059.590.682)	6.463.160.211

5.18 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.696.882.143	4.147.306.643
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	566.114.638	-
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (lãi liên doanh liên kết, nhận cổ tức)	1.542.450.948	1.394.911.866
Lợi nhuận tính thuế	8.720.545.833	2.752.394.777
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập hiện hành	2.180.136.458	688.098.694

5.19 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.898.430	19.803.711
Chi phí nhân công	1.304.507.962	1.056.783.168
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.875.365	65.814.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.061.930.580	1.070.950.948
Chi phí khác bằng tiền	359.922.843	253.275.352
Tổng	2.806.135.180	2.466.628.091

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Theo nhận định của Ban Giám đốc Công ty, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng, bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán đến ngày phát hành Báo cáo cần điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và Cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao Hội đồng Quản trị	113.220.000	199.380.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành	Lương cho thành viên HĐQT và Ban điều hành	358.622.400	564.207.335

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Quý II/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
	từ 01/01/2012	từ 01/01/2011
	đến 30/6/2012	đến 30/6/2011
	VND	VND
<u>Cung cấp dịch vụ</u>		
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.982.601.803	4.129.790.022
Công ty Cổ phần đầu tư Phát triển Giáo dục Phương Nam	68.229.575	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	319.065.655	-
<u>Cho vay vốn</u>		
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.000.000.000	9.800.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	3.000.000.000

Phải thu về gốc vay, lãi vay, và tiền cung cấp dịch vụ

Bên liên quan	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.087.827.956	6.098.310.305
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Đà Nẵng	54.705.500	54.705.500
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	2.370.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.000.000.000	2.035.305.577
Tổng	4.142.533.456	10.558.321.382

6.3 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2011 đã được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM). Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2012

Kế toán trưởng**Phó Giám đốc****Bùi Văn Dũng****Nguyễn Thị Hồng Diệp**